TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2024/DS-ST
Ngày: 17-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Tư;

+ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày 10 và 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1995; cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Anh D, sinh năm 1959; thường trú tại: Số H Đường số A, cư xá Đ, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo văn bản ủy quyền lập ngày 25-3-2024. (Có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Anh Trần Văn P, sinh năm 1971; (Vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1975; (Vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn, anh Bùi Văn T và người đại diện theo ủy quyền cùng trình bày:

Ngày 15-10-2023, anh T có cho bà Nguyễn Thị T1, ông Trần Văn P vay số

tiền 99.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả. Ngoài ra, anh T có cho bà T1 tham gia chơi hụi do anh T làm đầu thảo và anh T cũng có chơi hụi do bà T1 làm đầu thảo, cụ thể như sau:

- Hụi do anh T làm đầu thảo:

+ Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 25-3-2023 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 31 phần, bà T1 – còn có tên là Thiếm P1 tham gia 01 phần. Ngày 25-8-2023 âm lịch, bà T1 hốt hụi được 18.875.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng thì bà T1 nhận được 18.375.000 đồng. Anh T có làm giấy giao hụi cho bà T1 ghi ngày 14-10-2023. Từ ngày 25-12-2023 âm lịch đến nay thì bà T1 không đóng hụi chết lại cho anh T nên anh T phải đóng choàng hụi cho bà T1 22 kỳ, tương đương số tiền 22.000.000 đồng nên nay anh T yêu cầu ông P1, bà T1 phải trả lại cho anh.

+ Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 20-01-2023 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 30 phần, bà T1 – còn có tên là Thiếm P1 tham gia 01 phần. Ngày 20-02-2023 âm lịch bà T1 hốt hụi được 39.380.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng thì bà T1 nhận được 38.380.000 đồng. Anh T có làm giấy giao hụi cho bà T1. Từ ngày 20-12-2023 âm lịch đến nay thì bà T1 không đóng hụi chết lại cho anh T nên anh T phải đóng choàng hụi cho bà T1 18 kỳ, tương đương số tiền 36.000.000 đồng nên nay anh T yêu cầu ông P1, bà T1 phải trả lại cho anh.

- Hụi do bà T1, ông P1 làm đầu thảo: Dây hụi 500.000 đồng, khui ngày 25-4-2022 âm lịch, nửa tháng khui 01 lần, gồm có 33 phần, anh T tham gia 03 phần ghi tên là T, mức đóng hụi sống cao nhất là 410.000 đồng (Dằn nền 90.000 đồng), tiền hoa hồng phải trả cho chủ hụi là 250.000 đồng/phần hụi. Khi hụi đến kỳ 22 thì bà T1, ông P1 ngưng hụi và chuyển sang hình thức bốc thăm để lĩnh hụi. Bà T1, ông P1 phải giao tiền hụi cho anh mỗi phần hụi là 11.000.000 đồng, 03 phần là 33.000.000 đồng, nhưng bà T1, ông P1 chỉ giao hụi được 11.180.000 đồng, còn nợ lại 21.820.000 đồng thì đến nay chưa trả.

Nay anh T yêu cầu bà T1, ông P1 phải trả anh tổng số tiền vay, tiền hụi còn nợ là 178.820.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 6.326.000 đồng.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị T1, ông Trần Văn P: Đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bản sao tài liệu chứng cứ kèm theo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện đã trả tiền hụi cho anh T, vắng mặt không có lý do tại các phiên họp và phiên tòa.

Tại phiên tòa, ông Trần Anh D là người đại diện theo ủy quyền của anh Bùi Văn T yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền nợ vay, nợ hụi là 178.820.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi 6.326.000 đồng, chỉ tính lãi khi chậm thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Bùi Văn T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T1, ông Trần Văn P phải trả số tiền nợ vay, nợ hụi, nên căn cứ vào Điều 463, Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"*. Bị đơn, bà T1, ông P cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn, bà Nguyễn Thị T1, ông Trần Văn P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T1, ông P.

[3] Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy có nhận được văn bản bản ghi tên Nguyễn Thị T1 đề ngày 23-5-2024, nội dung văn bản thừa nhận anh T có tham gia chơi hụi do bà T1 làm đầu thảo và bà có chơi hụi do anh T làm đầu thảo nhưng tiền vay là hốt hụi của bà T1 rồi sau đó viết biên nhận cho bà T1 vay lại, chỉ có một mình bà T1 ký tên, anh T yêu cầu bà T1 ký tên thay chồng bà T1 là ông P. Anh T yêu cầu bà T1 hốt hụi của anh T để đóng tiền lời lại cho anh T. Tuy nhiên, văn bản này không có chữ ký của bà T1 nên không thể xác định được đây có phải là ý chí của bà T1 hay không. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bản sao tài liệu chứng cứ của các nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện; giấy triệu tập dự phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà T1, ông P vắng mặt không có lý do và không cung cấp hoặc yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ để chứng cứ chứng minh ông, bà. Lẽ ra, khi nhận thấy người khởi kiện nêu nội dung không đúng thì bà T1, ông P phải đến Tòa để nêu ý kiến, đối chất với nhau nhưng bà T1, ông P không thực hiện quyền của mình là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh T yêu cầu bà T1, ông P có nghĩa vụ trả lại cho anh số tiền 99.000.000 đồng và cung cấp "Giấy mượn tiền" ghi ngày 15-10-2023 có chữ ký ghi tên người mượn tiền là Nguyễn Thị T1, Trần Văn P. Phía ông P, bà T1 không có ý kiến phản đối hoặc yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết để xác định ai là người ký tên, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả tiền cho anh T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh T là có căn cứ.

Đối với số tiền nợ hụi, anh T làm đầu thảo của: Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, khui ngày 25-8-2023 âm lịch, bà T1, ông P chơi 01 phần và hốt hụi được 18.375.000 đồng, sau đó còn nợ lại anh T tiền hụi chết của 22 kỳ, tương ứng với 22.000.000 đồng, anh T đã đóng choàng hụi nhưng đến nay bà T1, ông P chưa trả lại; dây hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 20-01-2023 âm lịch, bà T1, ông P chơi 01 phần và hốt hụi được 38.380.000 đồng, sau đó thì còn 18 kỳ hụi chết

không đóng lại nên anh T cũng đã đóng choàng hụi cho bà T1, ông P 36.000.000 đồng. Ngoài ra, anh T có tham gia chơi hụi do bà T1, ông P làm đầu thảo, dây hụi 500.000 đồng, mỗi tháng khui 02 lần, anh T2 tham gia 03 phần và đóng được 22 kỳ thì bà T1, ông P tuyên bố ngừng hụi, số tiền mà anh T được lĩnh hụi mỗi dây là 11.000.000 đồng, 03 dây là 33.000.000 đồng nhưng bà T1, ông P chỉ giao được 11.180.000 đồng, còn nợ lại 21.820.000 đồng. Việc bà T1 hốt hụi của anh T hai bên có làm giấy giao tiền hụi, sự việc anh T tham gia chơi hụi của bà T1, ông P được một số hụi viên chơi cùng xác nhận là có và hiện còn nợ tiền anh T. Ngoài nợ tiền hụi anh T thì nay bà T1, ông P còn nợ tiền hụi của nhiều người khác.

Như đã nhận định ở phần trên, mặc dù bà T1, ông P đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu của người khởi kiện nhưng vắng mặt không có lý do tại các phiên họp và phiên tòa, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả tiền vay, tiền hụi cho anh T hoặc các bên đã có thỏa thuận khác là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc này. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T về việc yêu cầu ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thị T1 phải trả số tiền lãi 6.326.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T. Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Trần Văn P có nghĩa vụ trả cho anh Bùi Văn T số tiền 178.820.000 (Một trăm bốn mươi bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Trần Văn P phải chịu 8.941.000 (Tám triệu chín trăm bốn mươi mốt nghìn) đồng.

- Anh Bùi Văn T được nhận lại 4.628.000 (Bốn triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002559 ngày 11-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự hoặc người đại diện theo ủy quyền của đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực